TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ƯDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 29 tháng 6 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
1	**CB55001**	2101134	Đỗ Hoài	An	19/12/2003	Cần Thơ	5.00	5.25	Đạt
2	**CB55002**	TCNH2311085	Đặng Nghĩa	Anh	10/09/2004	Bạc Liêu	7.00	7.50	Đạt
3	**CB55003**	QLXD2211045	Huỳnh Tuấn	Anh	01/12/2004	Hậu Giang	8.33	9.00	Đạt
4	**CB55004**	2000018	Lê Nguyễn Tuyết	Anh	20/01/2002	Cần Thơ	6.33	6.00	Đạt
5	**CB55005**	LUAT2211002	Lê Nguyễn Vân	Anh	13/09/2004	Cần Thơ	7.00	10.00	Đạt
6	**CB55006**	2000822	Nguyễn Ngô Quỳnh	Anh	15/05/2002	Cần Thơ	6.00	5.00	Đạt
7	**CB55007**	KTHC2411015	Trần Thị Tú	Anh	24/01/2005	Cần Thơ	6.00	9.75	Đạt
8	**CB55008**	LUAT2211010	Võ Kiều	Anh	05/12/2004	An Giang	8.67	8.25	Đạt
9	**CB55009**	2100546	Nguyễn Huỳnh Thiên	Ân	25/11/2003	Đồng Tháp	8.33	6.25	Đạt
10	**CB55010**	KTHC2411014	Tiêu Tấn	Bảo	26/02/2006	Sóc Trăng	8.67	10.00	Đạt
11	**CB55011**	KTHC2411023	Trần Đức	Bảo	11/06/2006	Đồng Tháp	7.00	7.75	Đạt
12	**CB55012**	CNSH2311008	Lê Thị Tuyết	Cầm	02/09/2005	Bạc Liêu	8.00	7.25	Đạt
13	**CB55013**	QTKD2311013	Trần Thị Mộng	Cầm	25/10/2005	Cần Thơ	7.00	8.50	Đạt
14	**CB55014**	2101345	Phạm Phú	Cường	14/12/2003	Cần Thơ	7.67	7.50	Đạt
15	**CB55015**	2001175	Trương Nhân Gia	Chương	04/10/2002	An Giang	7.00	8.00	Đạt
16	**CB55016**	2000096	Ngô Duy	Dane	01/01/2001	Cần Thơ	5.00	6.50	Đạt
17	**CB55017**		Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	21/01/1998	Sóc Trăng	6.00	7.50	Đạt
18	**CB55018**	QTKD2311031	Thái Thị Mỹ	Diện	27/12/2005	Kiên Giang	7.33	6.25	Đạt
19	**CB55019**	2000178	Trần Thị Ngọc	Diệu	01/11/2002	Hậu Giang	5.67	5.00	Đạt
20	**CB55020**	QLXD2211040	Nguyễn Bá	Duy	30/04/2004	Sóc Trăng	4.67	5.50	Không đạt
21	**CB55021**	2000273	Tô Hoàng Gia	Duy	25/08/2002	Cần Thơ	8.00	9.25	Đạt
22	**CB55022**	QLXD2211054	Lê Hoàng	Dưng	29/11/2004	Hậu Giang	6.33	7.25	Đạt
23	**CB55023**	QTKD2311047	Phạm Thị Ngọc	Đẹp	05/06/2005	Kiên Giang	6.67	8.50	Đạt
24	**CB55024**	2101155	Tô Gia	Định	26/03/2003	Cà Mau	8.33	6.75	Đạt

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ƯDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 29 tháng 6 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
25	**CB55025**	CNTP2311012	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	15/03/2005	Sóc Trăng	4.67	6.50	Không đạt
26	**CB55026**	2100799	Nguyễn Phúc	Hải	10/06/2002	Cần Thơ	7.00	5.25	Đạt
27	**CB55027**	KTHC2411043	Trần Văn	Hào	02/12/2005	An Giang	6.33	6.00	Đạt
28	**CB55028**	CNCD2311035	Bùi Hoàng	Hạt	04/03/2005	Cần Thơ	8.33	7.25	Đạt
29	**CB55029**	CNHH2311036	Nguyễn Ngân	Hoa	08/12/2005	An Giang	6.67	7.50	Đạt
30	**CB55030**		Võ Minh	Hòa	12/01/2001	Tiền Giang	5.00	7.75	Đạt
31	**CB55031**	CNDD2311033	La Chí	Hoài	06/02/2005	Kiên Giang	4.33	7.25	Không đạt
32	**CB55032**	KTHC2411050	Trần Duy	Hùng	26/11/2006	Cần Thơ	5.67	6.75	Đạt
33	**CB55033**	CNTP2311036	Trần Nhật	Huy	11/01/2005	Kiên Giang	7.67	9.50	Đạt
34	**CB55034**	CNSH2311032	Huỳnh Thị Như	Huỳnh	13/09/2005	Hậu Giang	6.67	9.25	Đạt
35	**CB55035**	CNSH2311024	Ngô Trúc	Huỳnh	21/03/2005	Cần Thơ	7.00	8.25	Đạt
36	**CB55036**	CNHH2311020	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	16/01/2005	Sóc Trăng	8.00	8.00	Đạt
37	**CB55037**	2100270	Đoàn Anh	Kiệt	15/01/2002	An Giang	5.00	7.00	Đạt
38	**CB55038**	CNSH2211039	Mã Chí	Khanh	15/11/2004	An Giang	6.00	6.25	Đạt
39	**CB55039**	QLXD2211019	Phan Nguyễn Hồng	Khoa	30/11/2004	Cần Thơ	4.00	5.75	Không đạt
40	**CB55040**	CNDD2311010	Võ Văn	Khôi	10/05/2005	Cà Mau	6.00	6.25	Đạt
41	**CB55041**	QTKD2311044	Huỳnh Ngọc Trúc	Lam	15/02/2005	An Giang	7.33	8.75	Đạt
42	**CB55042**	2101211	Lê Tuyết	Lan	07/05/2003	Vĩnh Long	6.33	9.50	Đạt
43	**CB55043**	QLXD2211038	Huỳnh Sành	Liếp	06/04/2004	Kiên Giang	6.33	6.75	Đạt
44	**CB55044**	2100809	Phạm Thị	Liễu	30/07/2002	Bạc Liêu	6.33	6.75	Đạt
45	**CB55045**	QTKD2311066	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02/05/2005	Sóc Trăng	6.67	7.50	Đạt
46	**CB55046**		Khưu Khánh	Ly	01/01/1993	Sóc Trăng	5.67	7.75	Đạt
47	**CB55047**	TCNH2311031	Trần Thị Trúc	Ly	09/05/2005	Sóc Trăng	8.67	6.50	Đạt
48	**CB55048**	KTHC2411049	Nguyễn Thành	Lý	16/04/2006	Bến Tre	7.33	6.75	Đạt

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ƯDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 29 tháng 6 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
49	**CB55049**	2101143	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	07/03/2003	Kiên Giang	7.33	6.25	Đạt
50	**CB55050**	CNDD2311059	Ngô Quang	Minh	28/01/2005	Cần Thơ	7.00	8.50	Đạt
51	**CB55051**	2000754	Nguyễn Hải	Nam	27/08/2002	An Giang	6.00	5.75	Đạt
52	**CB55052**	QTKD2211004	Phạm Hoàng	Nam	07/03/2004	Đồng Tháp	8.33	9.50	Đạt
53	**CB55053**		Trần Thị Ái	Nam	22/07/2005	Bạc Liêu	5.33	5.00	Đạt
54	**CB55054**	CNTP2311071	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/02/2005	Sóc Trăng	6.33	7.25	Đạt
55	**CB55055**	2101114	Lê Nguyễn Tuyết	Nghi	12/05/2003	Cần Thơ	6.33	6.00	Đạt
56	**CB55056**		Lê Thanh	Nghĩa	15/11/2000	Cần Thơ	7.00	6.50	Đạt
57	**CB55057**	2100540	Đào Khánh	Nguyên	18/01/2003	Cần Thơ	4.33	6.25	Không đạt
58	**CB55058**	1700328	Lê Thành	Nguyên	05/02/1999	Sóc Trăng	6.67	6.75	Đạt
59	**CB55059**	LQCC2311048	Đào Nhật	Nhi	14/07/2005	An Giang	9.00	8.50	Đạt
60	**CB55060**	CNSH2211038	Huỳnh Thị Yến	Nhi	05/12/2004	Cần Thơ	6.67	6.25	Đạt
61	**CB55061**	2100216	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	08/06/2003	Cần Thơ	5.33	6.25	Đạt
62	**CB55062**	KTHC2311041	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/12/2005	Cần Thơ	6.00	7.50	Đạt
63	**CB55063**	LUAT2311007	Phạm Ngọc	Nhi	09/08/2005	Tiền Giang	5.67	7.50	Đạt
64	**CB55064**	CNSH2311022	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21/01/2005	Bến Tre	6.33	7.50	Đạt
65	**CB55065**	TCNH2311003	Lê Thị Huỳnh	Như	28/02/2005	Hậu Giang	6.00	9.00	Đạt
66	**CB55066**	TCNH2311034	Ngô Thị Ngọc	Như	06/05/2005	Hậu Giang	7.67	10.00	Đạt
67	**CB55067**	CNTP2311064	Phạm Thị Tâm	Như	22/08/2005	An Giang	4.67	6.75	Không đạt
68	**CB55068**	LUAT2311019	Sơn Thị Mỹ	Như	20/01/2005	Sóc Trăng	5.33	6.50	Đạt
69	**CB55069**		Nguyễn Thị	Oanh	01/01/1984	Sóc Trăng	5.33	5.00	Đạt
70	**CB55070**	CNCD2311050	Huỳnh Thành	Phát	27/09/2005	Đồng Tháp	7.33	7.50	Đạt
71	**CB55071**	TCNH2311021	Nguyễn Thị Ngọc	Phấn	24/11/2005	Sóc Trăng	6.33	7.00	Đạt
72	**CB55072**	QLXD2211017	Ngô Gia	Phúc	02/06/2003	Hậu Giang	5.33	6.50	Đạt

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ƯDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 29 tháng 6 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
73	**CB55073**	CNDD2211049	Nguyễn Trọng	Phúc	09/09/2003	Bạc Liêu	6.33	6.25	Đạt
74	**CB55074**	CNDD2311027	Trần Hoàng	Phúc	14/02/2005	Kiên Giang	7.67	9.50	Đạt
75	**CB55075**	TCNH2311055	Đặng Thị Mỹ	Phượng	15/09/2005	Hậu Giang	7.67	9.00	Đạt
76	**CB55076**	2100852	Nguyễn Huỳnh Nhật	Quyên	31/03/2003	Hậu Giang	5.67	6.25	Đạt
77	**CB55077**		Nguyễn Thị Thảo	Quyên	29/03/2002	Trà Vinh	8.33	9.50	Đạt
78	**CB55078**	TCNH2311002	Trần Nhã	Quyên	22/11/2004	Hậu Giang	8.33	9.00	Đạt
79	**CB55079**		Lê Phan Ngọc Mỹ	Tiên	24/12/2005	Đồng Tháp	4.33	5.50	Không đạt
80	**CB55080**		Trần Thị Cẩm	Tiên	07/04/2004	An Giang	5.67	6.75	Đạt
81	**CB55081**	NGNA2311055	Lê Phước	Toàn	01/07/2005	Hậu Giang	8.00	8.25	Đạt
82	**CB55082**	TCNH2311059	Thị Cẩm	Tú	10/09/2005	Kiên Giang	6.00	7.25	Đạt
83	**CB55083**	KTHC2411004	Bùi Duy	Tường	12/10/2006	Cần Thơ	8.33	7.25	Đạt
84	**CB55084**	1800273	Lâm Mỹ	Thanh	18/10/2000	Cần Thơ	7.00	3.50	Không đạt
85	**CB55085**	2100817	Nguyễn Ngọc	Thảo	26/09/2003	Cần Thơ	6.00	6.75	Đạt
86	**CB55086**	2101042	Phạm Phương	Thảo	03/02/2003	Sóc Trăng	6.33	6.50	Đạt
87	**CB55087**	KTNL2311029	Nguyễn Đình	Thi	05/03/2005	Sóc Trăng	6.33	7.50	Đạt
88	**CB55088**	QTKD2211012	Lê Nguyễn Lam	Thiên	04/08/2004	Cà Mau	6.33	7.75	Đạt
89	**CB55089**	QLXD2211042	Lê Hiền	Thịnh	12/10/2004	Cần Thơ	6.67	7.00	Đạt
90	**CB55090**	TCNH2211040	Nguyễn Quốc	Thịnh	22/09/2004	Cần Thơ	8.33	8.00	Đạt
91	**CB55091**	2100567	Nguyễn Trường	Thịnh	19/03/2003	Vĩnh Phúc	6.33	7.50	Đạt
92	**CB55092**	2101434	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/06/2003	An Giang	5.33	5.75	Đạt
93	**CB55093**	LQCC2211009	Nguyễn Phương	Thùy	25/01/2004	Đồng Tháp	8.33	9.25	Đạt
94	**CB55094**	CNDD2311071	Nguyễn An	Thuyên	20/04/2005	Kiên Giang	7.00	6.00	Đạt
95	**CB55095**	CNTP2311034	Lưu Anh	Thư	24/05/2005	Hậu Giang	7.33	7.75	Đạt
96	**CB55096**	QTKD2311077	Phan Thị Anh	Thư	26/03/2005	Bạc Liêu	6.67	6.75	Đạt

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ƯDCNTTCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ CNTT CƠ BẢN
Kỳ kiểm tra ngày 29 tháng 6 năm 2025

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM TRẮC NGHIỆM	ĐIỂM THỰC HÀNH	KẾT QUẢ
97	**CB55097**	CNTP2311073	Trần Thị Minh	Thư	19/10/2005	Vĩnh Long	6.67	7.00	Đạt
98	**CB55098**	TCNH2211068	Nguyễn Ngô Quế	Trâm	27/03/2004	Cần Thơ	6.33	7.75	Đạt
99	**CB55099**	TCNH2311053	Mai Thị Huyền	Trân	12/04/2005	Bạc Liêu	8.33	9.50	Đạt
100	**CB55100**	KTHC2311028	Trương Minh	Trí	21/11/2005	Cần Thơ	0.00	0.00	Không đạt
101	**CB55101**	CNDD2311056	Nguyễn Văn	Triệu	21/12/2005	Đồng Tháp	6.33	6.25	Đạt
102	**CB55102**	CNTP2311070	Nguyễn Tú	Trinh	17/12/2005	Cà Mau	6.67	6.75	Đạt
103	**CB55103**	LUAT2311001	Nguyễn Hồ Thanh	Trúc	10/06/2005	Đồng Tháp	6.33	7.50	Đạt
104	**CB55104**	CNHH2311019	Châu Võ Huệ	Uyên	29/11/2005	Cần Thơ	5.33	7.25	Đạt
105	**CB55105**	TCNH2211082	Trần Ngọc	Uyên	25/10/2004	Sóc Trăng	8.00	8.50	Đạt
106	**CB55106**	QLXD2211015	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	09/10/2004	Hậu Giang	5.33	7.50	Đạt
107	**CB55107**	CNHH2311028	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	19/08/2005	Vĩnh Long	7.00	6.25	Đạt
108	**CB55108**	LQCC2211016	Trần Thị Thuý	Vy	17/09/2004	An Giang	6.33	7.00	Đạt
109	**CB55109**	LUAT2311037	Huỳnh Thị Như	Ý	30/01/2005	Sóc Trăng	5.00	5.25	Đạt
110	**CB55110**	CNKT0121-2100611	Võ Phú	Yên	18/08/2003	Sóc Trăng	4.67	7.50	Không đạt
111	**CB55111**		Đỗ Thị Thu	Yến	06/01/2000	Cần Thơ	8.33	8.50	Đạt

HIỆU TRƯỞNG

HUỲNH THANH NHÃ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

NGUYỄN BÁ DUY